

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày 24 – 01 - 2019

**NHÂN DANH**  
**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TP H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị T

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông PH Khắc T

Ông Đinh Quang H

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Việt P- Thư ký Toà án nhân dân thị xã S, thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Đ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã S, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2018/TLST- HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

**Đặng Kim H**, sinh năm 1964; nơi sinh: quận Đ, TP H; ĐKNKTT: Số XXX phố L, phường Đ, quận H, thành phố H; Nơi cư trú: Số YY ngõ XY phố L, phường V, quận H, thành phố H; số CMTND: 012114177; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1939; có vợ là Vũ Phượng U, sinh năm 1976 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị C (tên gọi khác là H), sinh năm 1984, trú tại: lô số 10 đ- ờng F3, tổ 20 B, TP L, tỉnh L (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Đặng Kim H mở cửa hàng kinh doanh văn phòng phẩm tại số 506 phố T, phố H, quận H, TP H. H thuê chị Bùi Thị Minh Thu làm nhân viên bán hàng.

Do muốn thành lập công ty để kinh doanh, H thuê Nguyễn Quốc Tr ở tổ dân phố H, phường C I, quận B, TP H đứng tên làm Giám đốc Công ty, mức lương 05

triệu đồng/1 tháng nhưng không phải làm gì, mọi hoạt động của Công ty do H điều hành; Lê Anh D ở số 05 phố G, phường C, quận Đ, TP H làm lái xe; Lê Văn H ở số 08 ngách 105/39 phố V, phường C, quận H, TP H làm việc vặt. H thuê Công ty Luật TNHH T làm thủ tục thành lập công ty. H bảo Tr cầm bản chính chứng minh nhân dân đi cùng nhân viên Công ty T đến Sở kế hoạch đầu tư - Thành phố H nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký mẫu dấu và con dấu Công ty. Tr đã đến Sở kế hoạch đầu tư thành phố H nhận giấy tờ, đăng ký mẫu dấu và con dấu rồi giao lại cho H quản lý. Sau đó H bảo Tr ký mẫu để H đi làm dấu chữ ký, nh- ng H không nhớ làm con dấu này tại cơ sở nào.

Ngày 24/6/2014, Công ty TNHH vận tải và đầu tư Q (gọi tắt là Công ty Q - S) được thành lập, mã số doanh nghiệp 0106579933, địa chỉ văn phòng Công ty tại tầng 02 số nhà 55 phố T, phường S, TX S, TP H nh- ng hoạt động chủ yếu tại văn phòng tại số 506 phố, phường P, Quận H, Thành phố H. H thuê Phùng Thị Đ ở tổ dân phố 2 phường T, TX S, TP H làm kế toán. H giới thiệu với Đ mình là Giám đốc Công ty tên là Tr và H bảo chị Đ làm các thủ tục đặt in, đăng ký, phát hành hóa đơn GTGT cho Công ty Q - S rồi giao lại toàn bộ hóa đơn cho H quản lý. Tháng 11/2014, chị Đ nghỉ, H thuê chị Phạm Thị P ở cụm 4 xã V, huyện Phúc Thọ, TP H làm kế toán cho Công ty Q - S, l- ơng 4.000.000đ/1 tháng từ khoảng tháng 12/2014 đến tháng 2/2015. Hàng ngày chị P không phải đến Công ty, khi nào có việc, có chứng từ thì H gọi chị P đến để hạch toán.

Ngoài ra trong khoảng thời gian tháng 11 và tháng 12/2014, H thuê anh Lê Mạnh H ở thôn P xã T huyện Y tỉnh P, anh Minh, anh H (H không biết rõ họ, tuổi, chỗ ở cụ thể của M và H) làm nhân viên kinh doanh mua, bán hàng cho Công ty Q - S. Lê Mạnh H hiện không có mặt tại địa phương.

Ngoài việc thành lập Công ty Q - S, H còn lấy tên Nguyễn Quốc Tr làm Giám đốc để thành lập Công ty TNHH vận tải và đầu tư - th- ơng mại Q - Chi nhánh L (gọi tắt là Công ty Q - Lào Cai), mã số thuế 0106579933-001, đăng ký lần đầu ngày 04/11/2014. H tH Hoàng Thị C (tên gọi khác là Huê) ở Lô số 10 đ- ờng F3, tổ 20 Bắc C- ờng, TP Lào Cai, tỉnh L làm kế toán. H điều hành mọi hoạt động của Công ty Q - S và Công ty Q - L đến khoảng tháng 4/2015 thì H bỏ địa chỉ đăng ký và không kinh doanh nữa.

Trong thời gian điều hành hoạt động của Công ty Q - S H đã bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Q - S cho những Công ty sau:

1. Công ty Cổ phần xây dựng và th- ơng mại VL (gọi tắt là Công ty VL), mã số thuế 2500280581, địa chỉ huyện M, TP H do Trần Văn Tr làm Giám đốc và Bùi Thị Nh- H ở làm kế toán. Khoảng tháng 9/2014, Tr mua hàng hóa là cát vàng, cát đen, đá xây dựng nhưng không có hóa đơn nên Tr đã liên lạc với H hỏi mua hóa đơn GTGT để hợp thức số hàng hóa đầu vào không có hóa đơn. Qua trao đổi, H đồng ý bán cho Tr 02 hóa đơn GTGT với số tiền mua bán hóa đơn là 5% giá trị tiền hàng tr- ớc thuế ghi trên hóa đơn. H nhờ chị Bùi Thị Minh T (là nhân viên bán văn phòng phẩm) viết 02 hóa đơn GTGT ký hiệu QV/14P, gồm hóa đơn số: 0000004,

ghi ngày 27/9/2014 và 0000005, ghi ngày 29/9/2014 của Công ty Q - S để bán cho Tr. Hàng hóa ghi trong hóa đơn là cát vàng, cát đen, đá xây dựng. Tổng trị giá tiền hàng đã tính thuế là 1.257.168.000đ, tổng trị giá tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn là 1.142.880.000đ. Số tiền mua hóa đơn mà Tr phải trả cho H là:  $5\% \times 1.142.880.000đ = 57.144.000đ$ . Sau khi hoàn tất các thủ tục H chuyển các hóa đơn, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng... cho Tráng để hai bên ký xác nhận và mở tài khoản để rút tiền. Tr không nói cho chị Huế biết việc mua hóa đơn của H mà bảo với H là giữa hai Công ty có mua bán hàng hóa và đã thanh toán bằng tiền mặt gần hết nên mở tài khoản để thanh toán chuyển khoản hợp thức nên chị Huế phải đứng tên kế toán trưởng của Công ty Q - S tại hồ sơ mở tài khoản. Sau đó, Tr và H đến Ngân hàng BIDV chi nhánh P mở tài khoản 42610000251485 cho Công ty Q - S. Chị H đã chuyển 1.257.168.000đ từ tài khoản 42610000075171 của Công ty VL tại ngân hàng BIDV CN P vào tài khoản của Công ty Q - S. Tr đã bảo chị H rút ra 1.200.000.000đ đưa lại cho Tr. Còn lại trong tài khoản của Công ty Q - S số tiền 57.168.000đ, trừ các khoản phụ phí thì còn lại 57.144.000đ là tiền mua hóa đơn Tr trả cho H. Sau đó H nhờ chị T đi rút tiền về đưa lại cho H. Tr đã sử dụng các hóa đơn này để kê khai vào kỳ tính thuế quý 3 năm 2014 cho Công ty VL. Để hợp thức cho số hóa đơn bán ra thì H tìm mua hóa đơn GTGT với giá 4% giá trị tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn để kê khai tính thuế đầu vào cho Công ty Q - S. Như vậy, khi H bán hóa đơn cho Tr là 5% giá trị tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn thì H được hưởng lợi là 1%. Tức là H hưởng lợi số tiền  $1\% \times 1.142.880.000đ = 11.428.800đ$ , làm tròn 11.428.000đ (đây không phải là làm tròn số theo quy - ớc mà làm tròn thực tế trong quá trình mua bán hóa đơn).

2. Công ty TNHH MTV thương mại PLinh (gọi tắt là Công ty PLinh) mã số thuế 5300538648, địa chỉ cụm công nghiệp S, TP L, tỉnh L do ông Nguyễn Xuân M ở số 42 Ngô Quyền, Kim Tân, TP L, tỉnh L làm Giám đốc và bà D- ợng Thị P là vợ của ông M làm Phó giám đốc, Lê Tuyết M ở Kim Thành 2, Quang Kim, huyện B, tỉnh L là kế toán. Khoảng tháng 10/2014, thấy Công ty thiếu các hóa đơn đầu vào, Minh nói với Nguyễn Thị Cẩm V ở số 83 C, huyện C, TP L, tỉnh L (là nhân viên kinh doanh và là con của ông M, bà P) thì V bảo M tìm mua hóa đơn cho Công ty. Do vậy M liên lạc với Hoàng Thị C hỏi mua hóa đơn GTGT. C đồng ý rồi liên hệ với H để mua hóa đơn. H đồng ý bán hóa đơn cho C với tỷ lệ là 7,5% tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn. C nói lại với Minh là đồng ý bán hóa đơn với tỷ lệ là 8% trị giá tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn để Ch- ợng tiền chênh lệch là 0,5%. Minh nói lại việc này với V và V báo lại cho bà D- ợng Thị P biết. Bà P đồng ý cho V mua hóa đơn. Sau đó, V đã trực tiếp gặp C và cho C biết về thông tin giá trị hàng hóa để ghi hóa đơn. C báo lại cho H; H đã nhờ người viết nội dung hàng hóa, giá tiền hàng và bản thân H thì trực tiếp hoàn thiện thủ tục rồi chuyển cho C 04 hóa đơn GTGT ký hiệu QV/14P, gồm hóa đơn số: 0000006, ghi ngày 29/10/2014; 0000008, ghi ngày 30/10/2014; 0000015, ghi ngày 28/12/2014; 0000039, ghi ngày 31/12/2014 của Công ty Q - S bán cho Công ty PLinh. Hàng hóa là c- ớc vận chuyển. Tổng trị giá tiền hàng trừ thuế ghi trên các hóa đơn là 434.641.454đ, tổng giá trị tiền hàng đã tính thuế là 478.105.600đ. Công ty PLinh phải trả cho Clà

$8\% \times 434.641.454\text{đ} = 34.771.316\text{đ}$  (làm tròn là  $34.771.000\text{đ}$ ); C phải trả cho H số tiền mua hóa đơn là:  $7,5\% \times 434.641.454\text{đ} = 32.598.109\text{đ}$  (làm tròn là  $32.598.000\text{đ}$ ). C đ-ợc h-ởng lợi số tiền  $2.173.000\text{đ}$ . Theo yêu cầu của Công ty PLinh thì H đã làm các thủ tục và bảo C đến Ngân hàng Vietinbank CN L mở tài khoản số 102010002082116 để chuyển tiền. Vn chuyển khoản số tiền  $478.105.600\text{đ}$  từ tài khoản số 221110018441030 của Công ty PLinh sang tài khoản của Công ty Q - S. Csử dụng các tờ séc của Công ty Q - S do H đ-a cho để rút số tiền này ra đ-a lại cho V. V nhận tiền và trả cho C  $34.771.000\text{đ}$  tiền mua hóa đơn. C đã trả cho H  $32.598.000\text{đ}$ , còn C hưởng lợi  $2.173.000\text{đ}$ . Công ty PLinh đã sử dụng các hóa đơn để tính thuế quý 4 năm 2014. Để hợp thức cho số hóa đơn bán ra thì H tìm mua hóa đơn GTGT với giá  $6,5\%$  giá trị tiền hàng tr-ớc thuế ghi trên hóa đơn để kê khai tính thuế đầu vào cho Công ty Q - S. H bán hóa đơn cho C là  $7,5\%$  thì H đ-ợc h-ởng lợi là  $1\%$ . Như vậy, H h-ởng lợi số tiền  $1\% \times 434.641.454\text{đ} = 4.346.414\text{đ}$  (làm tròn là  $4.346.000\text{đ}$ ).

3. Công ty TNHH xây dựng và th-ơng mại TBM (gọi tắt là Công ty TBM), mã số thuế 5300208939, địa chỉ số nhà 93 phố N, Kim Tân, TP L, tỉnh L do bà Nguyễn Thị L ở tổ 22 B, TP L làm Giám đốc và Vũ Văn M ở tại tổ 07 B, TP L, L là kế toán tr-ởng. Khoảng tháng 10/2014, Minh liên hệ với Hoàng Thị C hỏi mua hóa đơn GTGT. Clien lạc với H để hỏi mua hóa đơn, H đồng ý bán hóa đơn cho C với tỷ lệ là  $7,5\%$  tiền hàng tr-ớc thuế ghi trên hóa đơn. C nói lại với Minh là đồng ý bán hóa đơn với tỷ lệ là  $8\%$  trị giá tiền hàng tr-ớc thuế ghi trên hóa đơn để C h-ởng tiền chênh lệch là  $0,5\%$ . Minh đồng ý và báo cho C biết thông tin hàng hóa, C đã báo lại cho H biết để viết hóa đơn chứng từ. Minh không báo cho bà Liễu biết việc mua hóa đơn. H đã bán cho C 03 hóa đơn GTGT ký hiệu QV/14P mang các số cụ thể là: Số 0000007 ghi 29/10/2014; Số 0000027 ghi 28/11/2014; Số 0000035 ghi 30/12/2014 của Công ty Q - S. Tên hàng hóa ghi trên hóa đơn là c-ớc vận chuyển. Tổng giá trị tiền hàng hóa tr-ớc thuế ghi trên hóa đơn là  $3.133.271.818\text{đ}$ , tổng giá trị tiền hàng đã tính thuế là  $3.446.599.000\text{đ}$ . Trong đó H bảo P viết hóa đơn số 0000035, 02 hóa đơn còn lại H không nhớ ai viết. Sau khi hoàn tất thủ tục, H chuyển hóa đơn chứng từ cho C và C đã chuyển lại cho Minh. Như vậy, Minh phải trả cho C là  $8\% \times 3.133.271.818\text{đ} = 250.661.745\text{đ}$  (làm tròn là  $250.661.000\text{đ}$ ); C phải trả cho H số tiền mua hóa đơn là:  $7,5\% \times 3.133.271.818\text{đ} = 234.995.386\text{đ}$  (làm tròn là  $234.995.000\text{đ}$ ). C đ-ợc h-ởng lợi số tiền  $15.666.000\text{đ}$ . Sau đó Minh bảo nhân viên kế toán là Vũ Thị Huyền T ở tổ 7 B, TP L và Phạm Thị Thúy N ở tổ 08 B, TP L đến Ngân hàng làm thủ tục chuyển tiền. T và N đã chuyển  $3.446.599.000\text{đ}$  từ tài khoản 102010000414342 của Công ty TBM sang tài khoản 102010002082116 của Công ty Q - S mở tại ngân hàng Vietinbank CN L. Csử dụng các tờ séc của Công ty Q - S do H đ-a cho để rút số tiền này ra rồi đ-a lại cho M. M trả cho C số tiền mua hóa đơn là  $250.661.000\text{đ}$ , C đã trả cho H số tiền mua hóa đơn là  $234.995.000\text{đ}$ . C đ-ợc h-ởng lợi số tiền  $15.666.000\text{đ}$ . Công ty TBM đã sử dụng các hóa đơn trên vào kỳ tính thuế quý 4 năm 2014. Để hợp thức cho số hóa đơn bán ra thì H tìm mua hóa đơn GTGT với giá  $6,5\%$  giá trị tiền hàng tr-ớc thuế ghi trên hóa đơn để kê khai tính thuế đầu vào cho Công ty Q - S. H bán hóa đơn cho C là  $7,5\%$

thì H đ- ợc h- ớng lợi là 1%. Tức là H h- ớng lợi số tiền  $1\% \times 3.133.271.818đ = 31.332.718đ$  (tính tròn là 31.332.000đ).

4. Công ty CP VLXD TĐ (gọi tắt là Công ty TĐ), mã số thuế 2500223223907, địa chỉ xã QL, huyện BX, tỉnh VP do Ngô Anh T trú tại số 239 Ngõ Q, phố T N, Quận H, TP H làm giám đốc, Nguyễn Văn K ở số 429 phố N, Quận Long Biên, TP H làm phó giám đốc, Ngô Thúy P; HKTT: số 293 ngõ Quỳnh, Thanh Nhân, Quỳnh Lôi, Quận H, H làm kế toán. Năm 2014, trong quá trình sản xuất kinh doanh Kđã thuê một số người vận chuyển hàng hóa nhưng những người này không xuất đ- ợc hóa đơn bán hàng. Do vậy, K báo cáo lại với Ngô Anh Tuấn để mua hóa đơn đầu vào cho Công ty thì Tuấn đồng ý. Sau đó Tuấn liên hệ và thống nhất mua hóa đơn GTGT của Đặng Kim H là 10% giá trị tiền hàng tr- ớc thuế ghi trên hóa đơn. Tuấn có nói lại việc mua hóa đơn cho K và P biết để làm việc với người của H. Đặng Kim H chuẩn bị hóa đơn, giấy tờ ký sẵn đưa cho Phạm Thị P và nói: Công ty Q - S đã bán hàng hóa c- ớc vận chuyển cho Công ty TĐ, hai bên đã thanh toán bằng tiền mặt gần hết và bảo P đến Công ty Tam Đảo xuất hóa đơn để Công ty Tam Đảo thanh toán số tiền hàng còn lại. Đồng ý. H bảo Lê Văn Hiến th xe để Lê Anh Dũng chở Phương cùng Hiến và Dũng đến Công ty TĐ gặp Ngô Thúy P. Tại đây Phạm Thị Phương đã viết hóa đơn ký hiệu QV/14P, số 0000037, ghi ngày 31/12/2014, hàng hóa là c- ớc vận chuyển. Giá trị tiền hàng tr- ớc thuế ghi trên hóa đơn là 591.938.182đ, giá trị tiền hàng đã tính thuế ghi trên hóa đơn là 651.132.000đ xuất cho Công ty TĐ. Số tiền mua hóa đơn Công ty TĐ phải trả:  $10\% \times 591.938.182 = 59.193.818đ$  (tính tròn 59.193.000đ). Sau đó, Phạm Thị P cùng Ngô Thúy P đến ngân hàng BIDV Chi nhánh V để thực hiện việc chuyển tiền. Ngô Thúy P đã chuyển 651.132.000đ từ tài khoản số 42510000011354 của Công ty TĐ sang tài khoản số 42610000251485 của Công ty Q - S. Sau đó, Phạm Thị P sử dụng tờ séc do H giao cho để rút số tiền này ra giao lại cho Ngô Thúy P; Ngô Thúy P cầm tiền rồi đ- a lại cho Phạm Thị P một phong bì đựng tiền. Vì nghĩ đây là tiền còn lại do Công ty Tam Đảo trả nên Phạm Thị P cầm về đ- a cho H. Công ty TĐ đã sử dụng hóa đơn này để kê khai tính thuế vào kỳ tính thuế quý 4 năm 2014. Để hợp thức cho hóa đơn bán ra thì H tìm mua hóa đơn GTGT với giá 9% giá trị tiền hàng tr- ớc thuế ghi trên hóa đơn để kê khai tính thuế đầu vào cho Công ty Q - S. H bán hóa đơn cho Ngô Anh Tuấn là 10% thì H đ- ợc h- ớng lợi là 1%. H hưởng lợi số tiền  $1\% \times 591.938.182đ = 5.919.381đ$  (tính tròn là 5.919.000đ).

5. Công ty TNHH th- ơng mại TT (gọi tắt là Công ty TT), mã số thuế 2500301471, địa chỉ thôn N, xã S, huyện B, tỉnh V do Nguyễn Văn Th làm Giám đốc; Nguyễn Văn Th làm cán bộ chỉ đạo kỹ thuật thi công và Nguyễn Thị Đ làm kế toán (cả ba đều ở thôn N, xã S, huyện B, tỉnh V). Năm 2014, Th mua hàng hóa là cát vàng của Công ty Q - S thông qua Lê Mạnh H và đã thanh toán tiền mua bán hàng với nhau. Thấy vậy, Đ hỏi Lê Mạnh H để mua hóa đơn GTGT hàng hóa là cát vàng. Lê Mạnh H báo lại với Đặng Kim H thì H đồng ý bán hóa đơn với tỷ lệ là 10% giá trị tiền hàng tr- ớc thuế ghi trên hóa đơn. Lê Mạnh H báo lại cho Đ biết thì Đ đồng ý mua. Sau đó Đặng Kim H chuẩn bị hóa đơn, giấy tờ ký sẵn đưa cho Phạm

Thị P, nói với Phương là Công ty Q - S bán cát vàng cho Công ty TT và đã thanh toán bằng tiền mặt gần hết rồi bảo Đến Công ty này để xuất hóa đơn rồi lấy số tiền hàng còn lại. Đặng Kim H bảo Lê Anh D chở Đến gặp Lê Mạnh H; Lê Mạnh H dẫn P cùng D đến Công ty TT gặp Điệp, thì P đã viết hóa đơn ký hiệu QV/14P, số 0000038, ghi ngày 31/12/2014, hàng hóa là cát vàng. Giá trị tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn là 667.000.000đ, giá trị tiền hàng đã tính thuế ghi trên hóa đơn là 733.700.000đ đưa cho Đ. Như vậy số tiền mua hóa đơn Công ty TT phải trả cho Đặng Kim H là:  $10\% \times 667.000.000\text{đ} = 66.700.000\text{đ}$ . Sau đó, P cùng Đ đến ngân hàng BIDVCN Vĩnh Phúc để thực hiện giao dịch chuyển tiền. Đ đã chuyển 733.700.000đ từ tài khoản 114000035000 của Công ty TT sang tài khoản 42610000251485 của Công ty Q - S. Sử dụng tờ séc do H giao cho để rút số tiền này ra rồi giao lại cho Điệp; Đ cầm tiền rồi đưa lại cho P một phong bì đựng tiền. Vì nghĩ đây là tiền Công ty TT trả tiền hàng nên Phương cầm về đưa cho H. Công ty TT đã sử dụng các hóa đơn này vào kỳ kê khai thuế GTGT tháng 12/2014 của Công ty. Sau khi phát hiện Đ mua hóa đơn GTGT để kê khai thì Thức đã yêu cầu Đ điều chỉnh hủy bỏ hóa đơn này. Để hợp thức cho hóa đơn bán ra thì H tìm mua hóa đơn GTGT với giá 9% giá trị tiền hàng trừ thuế ghi trên hóa đơn để kê khai tính thuế đầu vào cho Công ty Q - S. H bán hóa đơn cho Đ là 10% thì H được hưởng lợi là 1%. H hưởng lợi nhuận số tiền  $1\% \times 667.000.000\text{đ} = 6.670.000\text{đ}$ .

Như vậy, tổng số tiền mà Đặng Kim H đã thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 11 hóa đơn GTGT cho các Công ty trên là 59.695.000đ.

Để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng về việc bán hóa đơn GTGT H đã tìm mua hóa đơn GTGT sử dụng cho Công ty Q - S để kê khai báo thuế hàng hóa dịch vụ mua vào. Cụ thể H đã mua 11 hóa đơn GTGT của các Công ty sau: Mua 01 hóa đơn ký hiệu TH/11P, số hóa đơn 0000057, ghi ngày 20/9/2014 của Công ty TNHH XD và thương mại TH, địa chỉ xã T huyện C Thành phố H; 02 hóa đơn ký hiệu AP/14P, gồm các số 0000137 ghi ngày 31/12/2014 và 0000147 ghi ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH đầu tư - xây dựng và dịch vụ Anh Phát, địa chỉ thôn H, xã L huyện T, Thành phố H; 02 hóa đơn ký hiệu VP/14P gồm các số 0000032 ghi ngày 19/12/2014 và 0000150 ghi ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH đầu tư - phát triển VP, địa chỉ thôn N, xã L huyện T, Thành phố H; 02 hóa đơn ký hiệu TL/14P gồm các số 0000018 ghi ngày 30/12/2014 và 0000046 ghi ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH đầu tư - phát triển thương mại và truyền thông Thu Lộc, địa chỉ thôn K, xã T huyện T, Thành phố H; 01 hóa đơn ký hiệu MT/14P số 0000094 ghi ngày 31/7/2014 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Minh Tiến, địa chỉ thôn 06 xã T H huyện T, Thành phố H; 01 hóa đơn ký hiệu NG/14P, số 0000189, ghi ngày 18/9/2014 của Công ty TNHH thương mại tổng hợp và XD Nam Giang, địa chỉ thôn C, huyện T, Thành phố H; 01 hóa đơn ký hiệu PT/14P, số 0000141, ghi ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH tổng hợp PThảo, địa chỉ số 17 tập thể Cao đẳng xây dựng, Văn Quán, Hà Đông, Thành phố H; 01 hóa đơn ký hiệu BM/14P, số 0000185, ghi ngày 30/12/2014 của Công ty TNHH tổng hợp thương mại HBM, địa chỉ số 38 phố N, phường T quận L, Thành phố H. Số hóa

đơn này H đã kê khai tính thuế hàng hóa đầu vào của Công ty Q - S với Cơ quan Thuế theo quy định. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra xác định những Công ty trên đã làm thủ tục đăng ký kinh doanh bất hợp pháp và bỏ địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan thuế sở tại. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ và xử lý được. Cơ quan điều tra cũng không xác định được cụ thể phương thức mua hóa đơn và trị giá hàng hóa trong các hóa đơn mà H đã mua và không xác định được H đã mua hóa đơn của Công ty nào trong số các Công ty trên để bán cụ thể cho tổ chức và cá nhân nào.

Ngoài ra H còn khai nhận quá trình hoạt động Công ty Q - S còn mua bán hàng hóa với các Công ty sau:

1. Công ty Q - S mua hàng hóa vật liệu xây dựng của Công ty TNHH TM ĐL(gọi tắt Công ty ĐL), địa chỉ tổ 01 Đồng Mai, quận H, TP H và Công ty TNHH đầu tư - XD TM và phát triển Đất Việt (gọi tắt là Công ty Đ V), địa chỉ số 41 Hà Trì 2, Hà Cầu, quận H, TP H. Khoảng tháng 11 và tháng 12/2014, H giao cho anh Minh và Hà mua hàng vật liệu xây dựng của Công ty ĐL và Công ty ĐV để bán cho Công ty CP đầu tư - và XD T P (gọi tắt là Công ty T P), địa chỉ số 14 phố L, phường H quận H, TP H do ông Nguyễn Thanh Đ ở số 60A ngõ 189 phố H, phường L, quận B, TP H làm Giám đốc. Anh M và H đã trực tiếp bán và giao hàng là cát vàng, cát đen, gạch đặc... cho Trịnh Xuân Tr ở huyện H, tỉnh N và L - u Danh H ở huyện G, tỉnh N là cán bộ của Công ty T P. Kế toán công trình của Công ty T P là anh Nguyễn Thanh P ở quận B, TP H là người tổng hợp số liệu, soạn thảo hợp đồng kinh tế, chứng từ có liên quan để hai Công ty ký kết. Trường, Phong và Hải hiện không làm việc cho Công ty T P và Công ty T P cũng không xác định được địa chỉ cụ thể của những người này. Sau khi hoàn thành hợp đồng thì Công ty T P đã làm thủ tục chuyển 2.321.319.000đ từ tài khoản 0521101254003 sang tài khoản 3551100876008 của Công ty Q - S tại ngân hàng MB CN V để trả tiền mua hàng. H đã bảo Phạm Thị P viết các hóa đơn của Công ty Q - S kí hiệu QV/14P các hóa đơn số 0000031 ghi ngày 15/12/2014, số 0000032 ghi ngày 18/12/2014 để xuất cho Công ty T P.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị ngân hàng MB CN V sao kê tài khoản này nh- ng Ngân hàng chưa cung cấp. Hiện chưa xác định được các anh Tr, H, Ph, M, H ở đâu để làm rõ phương thức giao nhận hàng và hai Công ty ch- a cung cấp được các chứng từ giao nhận hàng hóa. Cơ quan điều tra cũng chưa thu thập được tài liệu chứng minh Công ty Q - S đã mua hàng của Công ty ĐL và Công ty Đ V nên ch- a đủ căn cứ để kết luận Công ty Q có bán hàng hóa cho Công ty T P hay không. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ việc này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

2. Công ty Q - S bán hàng hóa cho Công ty CP xây dựng MAVP (gọi tắt là Công ty MAVP), địa chỉ Nam Đàm Vạc, Huyện K, TP V, tỉnh V do anh Phạm Văn A ở số 18 Lý Nam Đế, Huyện K, TP V, tỉnh V do làm Giám đốc; Phạm Văn K ở phòng 42 khu tập thể Khang Điền, Huyện K, TP V, tỉnh V do làm kế toán tr- ởng kiêm chỉ huy tr- ởng các công trình. Năm 2014 Đặng Kim H đã giao cho Lê Mạnh

H mua hàng, thuê máy móc công trình để cung cấp cho Công ty MAVP theo hợp đồng nh- ng Đặng Kim H không biết Lê Mạnh H mua hàng, thuê máy của ai. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty MAVP đã thanh toán bằng tiền mặt cho Công ty Q - S. Đến tháng 12/2014, Đặng Kim H đã đưa hóa đơn cùng giấy tờ chuẩn bị sẵn cho Phạm Thị Phương rồi bảo Lê Văn Hiến thuê xe để Lê Anh D chở P cùng mọi người đến Công ty MAVP viết hóa đơn. Ph đã viết 03 hóa đơn kí hiệu QV/14P, gồm hóa đơn số 0000028 ghi 08/12/2014; 0000030 ghi 11/12/2014; 0000033 ghi 22/12/2014. Tổng giá trị tiền hàng đã tính thuế ghi trên hóa đơn là 650.882.276đ rồi giao cho Công ty MAVP. Sau đó P cùng K đến ngân hàng BIDV Chi nhánh V để thực hiện việc thanh toán; K đã chuyển khoản từ tài khoản 42510000492560 của Công ty MAVP sang tài khoản 42610000251485 của Công ty Q - S tổng số tiền hàng trên. Psử dụng các tờ séc rút tiền do H đ- a để rút số tiền này ra rồi đ- a lại cho anh K; K cầm tiền rồi đưa lại cho Ph số tiền hàng còn lại, Ph cầm tiền về đưa cho H. Quá trình điều tra, Công ty MAVP và Công ty Q - S ch- a cung cấp đ- ọc các chứng từ chứng minh việc giao nhận hàng hóa. Lê Mạnh H hiện không có mặt ở địa phương nên chưa làm rõ được giữa Công ty Q - S và Công ty MAVP có mua bán hàng hóa với nhau hay không. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ việc này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

3. Công ty TNHH dịch vụ th- ơng mại BN (gọi tắt là Công ty BN), địa chỉ thôn M, xã T, huyện Y , tỉnh V do ông Nguyễn Ngọc B ở thôn M, xã T, huyện Y , tỉnh V làm Giám đốc. Khoảng tháng 9/2014, Lê Mạnh H nói với Đặng Kim H mua hàng của các tàu vận chuyển trên sông để bán. Đặng Kim H đồng ý. Sau đó, Lê Mạnh H đến gặp Báu giới thiệu mình là người của Công ty Q - S chào bán hàng cát đen, cát vàng. Báu đồng ý mua hàng và trả tiền mặt cho Lê Mạnh H nên khi xuất hóa đơn bán hàng thì Báu yêu cầu Công ty Q - S mở tài khoản tại ngân hàng Agribank Chi nhánh Y để thực hiện việc chuyển khoản hợp thức việc mua bán hàng hóa. Đặng Kim H bảo anh Lê Anh D chở chị Phạm Thị P cùng anh Nguyễn Quốc Tr đến ngân hàng Agribank Chi nhánh Y để mở tài khoản. Sau đó H bảo chị P viết 02 hóa đơn bán hàng kí hiệu QV/14P, gồm các hóa đơn 0000010, ghi ngày 20/11/2014 và 0000040 ghi ngày 31/10/2014; còn hóa đơn số 0000002 ghi 27/9/2014 thì H không nhớ ai viết để xuất cho Công ty BN. Tổng giá trị tiền hàng đã tính thuế trên các hóa đơn là 855.800.000đ. Công ty BN đã chuyển số tiền trên từ tài khoản 2803211000199P2 đến tài khoản của Công ty Q - S tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh Y (chưa xác định được số tài khoản này). Sau đó P đ- a cho B tờ séc và B đã rút lại số tiền trên ra từ tài khoản của Công ty Q - S về Công ty BN.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Ngân hàng Agribank Chi nhánh Y cung cấp số tài khoản và sao kê tài khoản của Công ty Q - S nh- ng ngân hàng không cung cấp. Công ty BN và Công ty Q - S ch- a cung cấp đ- ọc các chứng từ có liên quan đến việc mua bán hàng. Lê Mạnh H không có mặt tại địa phương nên ch- a làm rõ được giữa Công ty Q - S và Công ty BN có mua bán hàng hóa với nhau không. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ việc này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Quá trình điều tra, Đặng Kim H đã khai nhận hành vi mua, bán trái phép 11 hóa đơn GTGT. H thừa nhận đã trực tiếp giao dịch, ký vào các hóa đơn, chứng từ của Công ty Q - S để mua, bán hóa đơn GTGT và thu lợi bất hợp pháp số tiền là 59.695.000đ. Lời khai nhận tội của H và những ng-ời có liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập đ-ợc. H tự nguyện nộp lại Cơ quan điều tra số tiền 59.695.000đ.

Đối với Công ty Q - chi nhánh L quá trình điều tra đã xác định: Công ty Q - CN L có mã số thuế và thực hiện nghĩa vụ thuế riêng không liên quan Công ty Q - S. Công ty Q — Chi nhánh L không hoạt động giao dịch kinh tế trên địa bàn thị xã S. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố L — tỉnh L tiến hành điều tra xác minh đối với hoạt động của Công ty Q — Chi nhánh L để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã xác định: Nguyễn Quốc Tr là người được H thuê đứng tên làm Giám đốc Công ty Q - S nhưng Tr không điều hành hoạt động gì của Công ty và không tham gia cùng với H mua bán trái phép hóa đơn nên không có căn cứ để xử lý đối với Tr.

Đối với Lê Anh D và Lê Văn H là những người được Đặng Kim H thuê làm việc cho Công ty Q - S nhưng D và H không tham gia cùng với H trong việc mua bán trái phép hóa đơn nên không có căn cứ để xử lý đối với D và H.

Đối với chị Phạm Thị Ph là kế toán của Công ty Q - S là người đã viết tổng số 08 hóa đơn GTGT của Công ty Q - S, đã đến ngân hàng để thực hiện giao dịch. Mặc dù Ph chỉ làm theo chỉ đạo của H nhưng xét thấy cần phải tiếp tục làm rõ hành vi của Ph nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách hành vi của Phạm Thị Ph ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Bùi Thị Minh T là người đã được H nhờ viết nội dung hàng hóa vào 02 hóa đơn GTGT để H bán cho Công ty V L. Tuy nhiên, T không biết gì về việc H bán trái phép hóa đơn GTGT và không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với T.

Đối với Hoàng Thị C là người đã mua của Đặng Kim H 07 hóa đơn GTGT của Công ty Q - S rồi bán lại cho Công ty Phương Linh và Công ty TBM để thu lợi bất chính 17.839.000đ. Mặc dù C đã có hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT nhưng C chưa có tiền án, tiền sự về hành vi mua bán trái phép hóa đơn; số lượng hóa đơn GTGT cũng như số tiền thu lợi bất chính chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nên không có căn cứ để xử lý đối với C. C đã tự nguyện nộp lại 17.839.000đ.

Đối với Trần Văn Tr, Dương Thị Ph, Nguyễn Thị Cẩm V, Lê Tuyết M; Vũ Văn M, Vũ Thị Huyền T, Phạm Thị Thúy Nt; Ngô Anh T, Nguyễn Văn K, Ngô Thúy Ph, Nguyễn Thị Đ là những người đã biết và trực tiếp mua của Đặng Kim H hóa đơn GTGT để sử dụng kê khai tính thuế cho Công ty VL, Công ty PL, Công ty TBM, Công ty TĐ, Công ty TT. Mặc dù Tr, Ph, V, Tuyết M, Văn M, Tr, Ng, T, Kh,

Ph, Đ đã có hành vi mua bán trái phép hóa đơn nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với các Công ty đã sử dụng bất hợp pháp hóa đơn của Công ty Q - S như: VL, PL, TBM, TĐ để kê khai báo thuế là có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã S đã có văn bản đề nghị Cơ quan thuế và Cơ quan Cảnh sát điều tra các địa phương tiến hành điều tra xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Công ty Tỉnh Tuấn, sau khi phát hiện Đ mua hóa đơn GTGT để kê khai thì Nguyễn Văn Thúc là giám đốc Công ty đã yêu cầu Đ điều chỉnh hủy bỏ hóa đơn này, việc mua bán hóa đơn giữa Đ và H Công ty không biết nên không đưa ra hình thức xem xét xử lý đối với Công ty TT.

Cơ quan điều tra cũng ra quyết định tách vụ án hình sự đối với việc các Công ty TP, BN, MAVP đã mua hàng (thông qua Lê Mạnh H) và hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Q - S để tiếp tục điều tra xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Công ty Q - S đã sử dụng bất hợp pháp hóa đơn có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã S tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với 11 hóa đơn GTGT (bản chính) của Công ty Q - S kí hiệu QV/14P, gồm hóa đơn: số 0000004 ghi 27/9/2014; số 0000005 ghi 29/9/2014; số 0000006 ghi 29/10/2014; số 00000008 ghi 30/10/2014; số 0000015 ghi 28/12/2014; số 0000039 ghi 31/12/2014; số 0000007 ghi 29/10/2014; số 0000027 ghi 28/11/2014; số 0000035 ghi 30/12/2014; số 0000037 ghi ngày 31/12/2014; số 0000038 ghi 31/12/2014 là tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, vì vậy tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án để đảm bảo theo trình tự quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát thị xã S đã truy tố Đặng Kim H về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”. Áp dụng khoản 1 Điều 164a BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Đặng Kim H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Về điều luật: áp dụng khoản 1 điều 164a; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị phạt tiền Đặng Kim H từ 80.000.000đ đến 100.000.000đ. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của Hoàng Thị C 17.839.000 đồng và của Đặng Kim H 59.695.000 đồng. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an TX S, Điều tra viên, VKSND TX S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo được đưa ra các tài liệu, chứng cứ phù hợp quy định của pháp luật, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi của bị cáo được thể hiện: Từ tháng 9 đến tháng 12/2014 Đặng Kim H đã mua 11 hóa đơn GTGT để kê khai tính thuế hàng hóa đầu vào cho Công ty Q - S; sau đó đã bán ra 11 hóa đơn GTGT của Công ty Q - S cho các tổ chức, cá nhân để hưởng lợi bất chính 59.695.000đ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Đặng Kim H phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với Hoàng Thị C là người đã mua của Đặng Kim H 07 hóa đơn GTGT của Công ty Q - S rồi bán lại cho Công ty Phương Linh và Công ty Thái Bình Minh để thu lợi bất chính 17.839.000đ. Mặc dù C đã có hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nên CQĐT không xử lý đối với C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách của Nhà nước. Do đó, cần phải có một mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, chấp hành pháp luật. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo trước đây là Đảng viên và có thời gian hoạt động phục vụ quân đội, có thành tích trong công tác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: tịch thu sung công số tiền thu lợi bất chính mà có của Đặng Kim H 59.695.000 đồng, Hoàng Thị C 17.839.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

4. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều là chứng cứ hợp pháp.

5. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phản ánh cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX thấy không có dấu hiệu vi phạm nên không kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Kim H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Về điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 điều 164a; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:

Phạt tiền bị cáo Đặng Kim H 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu giữ của Hoàng Thị C 17.839.000 đồng và của Đặng Kim H 59.695.000 đồng. Tổng cộng: 77.534.000đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

(Số tiền 77.534.000đ Công an thị xã S thu giữ đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S tài khoản số 3949.0.1052740, ngày 29/12/2018 tại kho bạc Nhà nước thị xã S, H).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Kim H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đ- ọc quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

**\*Nơi gửi:**

- Tòa án TP H;
- VKS TX S;
- Công an TX S;
- Chi cục THADS TX S;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;

**T.M Hội đồng xét xử sơ thẩm**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Dán án;
- Lưu hồ sơ.

**Bùi Thị Tú**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**T.M Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Tú**